

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030” năm 2023

Căn cứ Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 15/09/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (sau đây gọi là Đề án 2644), Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 2644 năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai kịp thời và hiệu quả các nội dung trong năm 2023 của Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030” được phê duyệt theo theo Quyết định số 2644/QĐ-UBND ngày 15/09/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố, phù hợp với điều kiện, nguồn lực của thành phố bố trí cho giáo dục.

2. Yêu cầu

- Từng bước chuẩn hóa về trình độ đào tạo của đội ngũ theo quy định; đáp ứng về số lượng và cơ cấu môn học; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đảm bảo phù hợp với thực trạng đội ngũ, yêu cầu đặt ra theo quy định, tình hình của các cơ sở giáo dục và điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương.

- Đảm bảo tính khách quan, công khai, công bằng và hiệu quả.

- Có sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, đơn vị liên quan để quá trình triển khai thực hiện kế hoạch diễn ra đúng tiến độ và đạt mục tiêu đề ra.

II. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Giáo viên đang chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tại trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập (gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non); giáo viên đang giảng dạy tại trường tiểu học, trường

trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên (gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông); giáo viên đang giảng dạy tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên Hải Phòng, giáo viên đang giảng dạy chương trình giáo dục thuộc chương trình để cấp bằng của hệ thống giáo dục quốc dân tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên quận/huyện (gọi chung là trung tâm giáo dục thường xuyên). Sau đây, giáo viên đang chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo viên đang giảng dạy tại cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên được gọi chung là giáo viên (GV).

2. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông; Giám đốc, Phó Giám đốc các trung tâm giáo dục thường xuyên (sau đây gọi chung là cán bộ quản lý - CBQL).

III. NỘI DUNG

1. Đào tạo nâng chuẩn trình độ theo Luật Giáo dục 2019

a) Đối tượng đào tạo:

- CQBL, GV mầm non chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

- GV tiểu học chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo GV tiểu học hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 08 năm công tác (96 tháng) đối với GV có trình độ trung cấp, còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đối với GV có trình độ cao đẳng đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

- GV trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo GV hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

b) Số lượng đào tạo dự kiến (chi tiết tại Phụ lục 1, 2, 3 gửi kèm):

- GV mầm non:

+ Đào tạo từ trung cấp lên đại học (TC-ĐH): dự kiến 30 người (đối với CBQL, GV các cơ sở giáo dục mầm non công lập);

+ Từ trung cấp lên cao đẳng (TC-CĐ): dự kiến 227 người.

- GV tiểu học: từ cao đẳng lên đại học (CĐ-ĐH): dự kiến 100 người.

- GV trung học cơ sở: từ cao đẳng lên đại học (CĐ-ĐH): dự kiến 54 người.

c) Thời gian thực hiện: từ năm 2023.

2. Công tác bồi dưỡng

2.1. Bồi dưỡng giáo viên các chuyên đề theo Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông

- a) Đối tượng bồi dưỡng: GV các cơ sở giáo dục phổ thông.
- b) Số lượng bồi dưỡng dự kiến (chi tiết tại Phụ lục 4 gửi kèm): 548 GV.
- c) Thời gian thực hiện: trong năm 2023.

2.2. Bồi dưỡng GV cấp trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lý

a) Đối tượng bồi dưỡng: Theo Quyết định số 2455/QĐ-BGDĐT ngày 21//2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng GV trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lý:

- GV đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngành sư phạm Lịch sử hoặc tốt nghiệp cao đẳng các ngành sư phạm song môn trong đó có 1 môn là Lịch sử.

- GV đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngành sư phạm Địa lý hoặc tốt nghiệp cao đẳng các ngành sư phạm song môn trong đó có 1 môn là Địa lý.

- GV đang giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý đã tốt nghiệp ở các trường Đại học khác mà không có bằng Cử nhân Sư phạm.

- GV được đào tạo chuyên môn khác có nhu cầu dạy Lịch sử, Địa lý hoặc sẽ được phân công dạy Lịch sử, Địa lý.

- b) Số lượng bồi dưỡng dự kiến (chi tiết tại Phụ lục 5 gửi kèm): 653 GV.
- c) Thời gian thực hiện: trong năm 2023.

2.3. Bồi dưỡng GV cấp trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên

a) Đối tượng bồi dưỡng: Theo Quyết định số 2454/QĐ-BGDĐT ngày 21//2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình bồi dưỡng GV trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên:

- *Đối tượng A:* GV đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng đơn ngành sư phạm hoặc cử nhân Vật lý, Hóa học, Sinh học hoặc các ngành sư phạm hoặc cử nhân song môn trong đó có 1 môn là Vật lý hoặc Hóa học hoặc Sinh học (Toán học - Vật lý, Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp, Toán học - Hóa học, Sinh học - Thể dục thể thao...).

- *Đối tượng B:* GV đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng các ngành sư phạm hoặc cử nhân: Vật lý - Hóa học, Hóa học - Sinh học, Sinh học - Hóa học.

- b) Số lượng bồi dưỡng dự kiến (chi tiết tại Phụ lục 6 gửi kèm): 627 GV (trong đó 477 GV đối tượng A và 150 GV đối tượng B).
- c) Thời gian thực hiện: trong năm 2023.

2.4. Bồi dưỡng khác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ năm học

(Theo Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo).

IV. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí năm 2023 của ngân sách thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; kinh phí của các cơ quan quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sử dụng GV và CBQL cơ sở giáo dục.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định và từ các nguồn hợp pháp khác tại các cơ quan, đơn vị.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch, cụ thể:

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung về kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Đề án của thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện trong việc triển khai đào tạo, bồi dưỡng GV mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo nhu cầu thực tế của địa phương và của ngành.

- Chủ trì phối hợp với các cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các lớp đào tạo nâng chuẩn trình độ và các lớp bồi dưỡng GV, CBQL theo Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung về kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ngành, đơn vị liên quan chỉ đạo và cung cấp thông tin, tuyên truyền về Đề án của thành phố.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về việc thực hiện Đề án.

4. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo, rà soát, chọn cử, đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV theo phân cấp quản lý đảm bảo đúng đối tượng theo quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc, quản lý, giám sát, tạo điều kiện cho đội ngũ CBQL, GV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện đầy đủ các nội dung chương trình theo quy định.

5. Các cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và kế hoạch của thành phố, xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng theo quy định.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức, quản lý các lớp đào tạo, bồi dưỡng CBQL, GV đảm bảo đúng quy định và đạt hiệu quả.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các sở, ngành, đơn vị liên quan phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và đạt hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- CT, PCT Lê Khắc Nam;
- Như Mục V;
- CVP, PCVP Tr.H.Kiên;
- Phòng NCKTGS;
- CV: GD;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Khắc Nam

PHỤ LỤC 1
SỐ LƯỢNG CBQL, GV MẦM NON
ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO NÂNG CHUẨN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Quận/huyện	Trình độ đào tạo TC- ĐH	Trình độ đào tạo TC - CĐ	Ghi chú
1	An Dương	3	21	
2	An Lão			
3	Cát Hải			
4	Dương Kinh	2	11	
5	Đồ Sơn			
6	Hải An		32	
7	Hồng Bàng		1	
8	Kiến An	1	3	
9	Kiến Thụy	10	3	
10	Lê Chân	6	75	
11	Ngô Quyền		68	
12	Thủy Nguyên	6	11	
13	Tiên Lãng	1	1	
14	Vĩnh Bảo	1	1	
Tổng số:		30	227	

PHỤ LỤC 2
SỐ LƯỢNG CBQL, GV TIỂU HỌC
ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO NÂNG CHUẨN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Quận/huyện	Trình độ đào tạo CD- ĐH	Ghi chú
1	An Dương	21	
2	An Lão	9	
3	Cát Hải		
4	Dương Kinh	9	
5	Đồ Sơn	1	
6	Hải An	1	
7	Hồng Bàng	4	
8	Kiến An	8	
9	Kiến Thụy	17	
10	Lê Chân	4	
11	Ngô Quyền	4	
12	Thủy Nguyên		
13	Tiên Lãng	19	
14	Vĩnh Bảo	3	
Tổng số:		100	

PHỤ LỤC 3
SỐ LƯỢNG CBQL, GV TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO NÂNG CHUẨN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Quận/huyện	Trình độ đào tạo CD - ĐH	Ghi chú
1	An Dương	8	
2	An Lão	13	
3	Cát Hải	4	
4	Dương Kinh	1	
5	Đồ Sơn		
6	Hải An		
7	Hồng Bàng		
8	Kiến An	1	
9	Kiến Thụy	4	
10	Lê Chân	1	
11	Ngô Quyền	1	
12	Thủy Nguyên	18	
13	Tiên Lãng		
14	Vĩnh Bảo	3	
Tổng số:		54	

PHỤ LỤC 4
SỐ LƯỢNG GV PHỔ THÔNG ĐĂNG KÝ BỒI DƯỠNG
CÔNG TÁC TƯ VẤN CHO HỌC SINH NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	An Dương	28	
2	An Lão	77	
3	Cát Hải	2	
4	Dương Kinh	3	
5	Đồ Sơn	5	
6	Hải An	23	
7	Hồng Bàng	19	
8	Kiến An	28	
9	Kiến Thụy	33	
10	Lê Chân	34	
11	Ngô Quyền	20	
12	Thủy Nguyên	43	
13	Tiên Lãng	58	
14	Vĩnh Bảo	75	
15	Các trường THPT	100	
Tổng số:		548	

PHỤ LỤC 5
SỐ LƯỢNG GV TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐĂNG KÝ BỒI DƯỠNG
GV DẠY MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Quận/huyện	Số lượng	Ghi chú
1	An Dương	58	
2	An Lão	55	
3	Cát Hải	3	
4	Dương Kinh	23	
5	Đồ Sơn	9	
6	Hải An	26	
7	Hồng Bàng	34	
8	Kiến An	43	
9	Kiến Thụy	46	
10	Lê Chân	48	
11	Ngô Quyền	74	
12	Thủy Nguyên	118	
13	Tiên Lãng	67	
14	Vĩnh Bảo	49	
Tổng số:		653	

PHỤ LỤC 6
SỐ LƯỢNG GV TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐĂNG KÝ BỒI DƯỠNG
GV DẠY MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

TT	Quận/huyện	Số lượng		
		Tổng	Đối tượng A	Đối tượng B
1	An Dương	61	49	12
2	An Lão	54	44	10
3	Cát Hải	1		1
4	Dương Kinh	24	18	6
5	Đồ Sơn	9	9	
6	Hải An	20	15	5
7	Hồng Bàng	31	28	3
8	Kiến An	45	39	6
9	Kiến Thụy	54	32	22
10	Lê Chân	56	30	26
11	Ngô Quyền	61	47	14
12	Thủy Nguyên	124	94	30
13	Tiên Lãng	43	36	7
14	Vĩnh Bảo	44	36	8
Tổng số:		627	477	150